

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *9936* /UBND-KT

Đồng Nai, ngày *24* tháng 10 năm 2016

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định của Chính phủ.

Kính gửi: Sở Tài chính.

UBND tỉnh nhận được các Văn bản số 14656/BTC-NSNN ngày 18/10/2016 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm (bản sao gửi kèm); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan nghiên cứu, kịp thời dự thảo văn bản của UBND tỉnh tham gia ý kiến theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn nêu trên.

Do thời gian yêu cầu tham gia ý kiến gấp, đề nghị đơn vị sớm thực hiện theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
  - Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
  - Chánh - Phó Văn phòng;
  - Lưu: VT, KT.
- TháiTM

**TL. CHỦ TỊCH  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



*lely*  
Lê Sĩ Lâm

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 44656/BTC-NSNN

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2015

V/v Xin ý kiến đối với dự thảo  
Nghị định của Chính phủ quy  
định chi tiết lập kế hoạch tài  
chính 5 năm và kế hoạch tài chính  
- ngân sách nhà nước 3 năm

UBND TỈNH ĐỒNG NAI	
<b>ĐẾN</b>	Số: 5521/A
	Ngày: 20/10/16
Chuyển: .....	

Kính gửi:

**HỌA-TỔC**

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương,

- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015.

- Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2015 về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành các luật được thông qua tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIII.

Bộ Tài chính dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 5 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách 3 năm và Tờ trình Chính phủ về dự thảo Nghị định này.

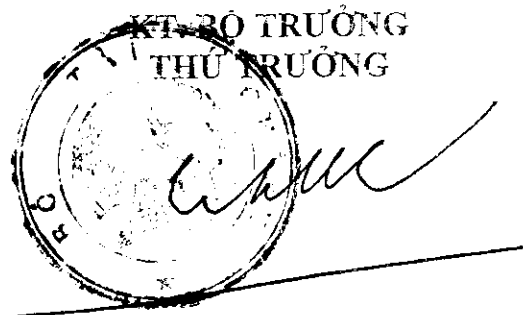
Đề nghị Quý cơ quan/Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định và Tờ trình nêu trên gửi về Bộ Tài chính trước ngày 26 tháng 10 năm 2016 để kịp tổng hợp, hoàn thiện trình Chính phủ xem xét, ban hành theo quy định của pháp luật (các dự thảo đính kèm).

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, Vụ NSNN. (M5b)

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG



Huỳnh Quang Hải

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2016

**DỰ THẢO****TỜ TRÌNH**

Về việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành các luật được thông qua tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIII; Bộ Tài chính đã chủ trì, thành lập Ban soạn thảo để nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định).

Dưới đây, Bộ Tài chính xin trình Chính phủ dự thảo Nghị định với các nội dung chủ yếu như sau:

**I. CĂN CỨ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH****1. Căn cứ pháp lý:**

Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 (Luật NSNN) đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó giao Chính phủ quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 05 năm (Điều 17) và việc lập kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm (Điều 43). Đây là căn cứ pháp lý để xây dựng Nghị định.

**2. Căn cứ thực tiễn:**

a) Dự toán NSNN hằng năm có ưu điểm nổi bật là tính chính xác cao so với các kế hoạch tài chính trung hạn, do thời gian dự báo ngắn, dễ làm, dễ thực hiện; nhưng thiếu tính linh hoạt, chủ động trước các biến động lớn về kinh tế, xã hội, môi trường,... Thực tế cho thấy, việc lập dự toán NSNN hằng năm đã không lường trước được các rủi ro sẽ xảy ra 3 – 5 năm sau đó, do đó không có giải pháp phù hợp để hạn chế bội chi, kiểm soát nợ công vào những năm kinh tế phát triển thuận lợi, dành dư địa cho những năm khó khăn. Vì vậy, khi sự phát triển của nền kinh tế có xu hướng giảm sút, nguồn thu NSNN

gặp khó khăn thì cả bội chi ngân sách và dư nợ công đều có xu hướng tăng mạnh, bội chi NSNN trong một số năm đã vượt ngưỡng cho phép.

b) Dự toán NSNN hàng năm cũng không đảm bảo phân bổ, sử dụng nguồn lực NSNN cho các ưu tiên chiến lược của nền kinh tế; hạn chế hiệu quả, hiệu lực chi tiêu ngân sách.

Nguồn lực NSNN là có hạn, trong khi nhu cầu chi tiêu lại rất lớn. Việc lập dự toán NSNN hàng năm có xu hướng tập trung vào các nhu cầu cụ thể của từng năm, dẫn tới phân tán nguồn lực, chưa tập trung vào các ưu tiên chiến lược trong trung dài hạn của nền kinh tế và tổng hợp nhu cầu của các năm thường vượt khả năng cân đối nguồn lực trong cả giai đoạn. Nhiều nhiệm vụ chi kéo dài trong một số năm, nhưng lập dự toán NSNN hàng năm không tính toán nhu cầu ngân sách từ khi bắt đầu, đến khi kết thúc nhiệm vụ chi, do đó không đảm bảo được việc bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ, là một trong các nguyên nhân dẫn tới việc kéo dài thời gian thực hiện, lãng phí, nợ đọng...

Thực tế, mặc dù Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng các chỉ tiêu tài chính - NSNN 5 năm cùng thời kỳ với Kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm, song do việc lập dự toán NSNN hàng năm chủ yếu vẫn dựa trên khả năng nguồn thu và các nhu cầu chi cụ thể của từng năm, nên các hạn chế nêu trên vẫn chậm được khắc phục.

c) Một số nhiệm vụ chi hiện đã được lập kế hoạch ngân sách cho nhiều năm (các chương trình, dự án đầu tư, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, các đề án...), hướng tới kết quả đầu ra. Tuy nhiên, do NSNN và phần lớn các nhiệm vụ chi khác vẫn lập hàng năm, nên chưa đảm bảo được việc bố trí kinh phí như dự kiến đối với các nhiệm vụ chi này.

d) Việc tổ chức thí điểm lập kế hoạch tài chính và kế hoạch chi tiêu trung hạn 03 năm tại 6 Bộ và 4 địa phương<sup>1</sup> trong giai đoạn 2004 – 2009 đã đem lại những kết quả tích cực đối với công tác quản lý tài chính – NSNN và quản lý nợ trên phạm vi cả nước, không chỉ riêng ngành Tài chính, mà cả các bộ, ngành, địa phương và đơn vị sử dụng ngân sách. Đáng chú ý là:

- Góp phần nâng cao chất lượng công tác dự báo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và tài chính – NSNN trong trung hạn và hằng năm.

- Nâng cao hiệu quả phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách. Thông qua việc lập kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm, cho phép đánh giá khả năng huy động nguồn lực cho NSNN và xác định mức trần chi tiêu của các bộ, ngành, địa phương trong kỳ trung hạn. Trên cơ sở đó, các bộ, ngành, địa phương chủ động xây dựng các kế hoạch, nhiệm vụ, chế độ, chính sách theo các ưu tiên phát triển và lựa chọn cách thức tổ chức, hoạt động phù hợp nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ.

- Góp phần nâng cao tính minh bạch trong quản lý tài chính – NSNN. Nhờ được lập hàng năm cho thời hạn 03 năm và theo phương thức cuốn chiếu,

<sup>1</sup> 06 Bộ gồm: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và PTNT; 04 địa phương gồm: Hà Nội, Hà Tây, Vĩnh Long, Bình Dương.

nên kế hoạch tài chính trung hạn phản ánh kịp thời xu hướng phát triển, khả năng nguồn lực của nền kinh tế, tính hợp lý của trần chi tiêu ngân sách và tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách.

đ) Kinh nghiệm quốc tế: việc triển khai Khung tài chính trung hạn đã và đang được thực hiện ở nhiều nước trên thế giới. Theo báo cáo của Quỹ tiền tệ quốc tế năm 2011<sup>2</sup> và Ngân hàng thế giới năm 2013<sup>3</sup>, thì vào cuối năm 2008 đã có khoảng 2/3 quốc gia và vùng lãnh thổ triển khai Khung tài chính ngân sách trung hạn. Tùy điều kiện cụ thể của từng quốc gia/vùng lãnh thổ, việc triển khai Khung tài chính ngân sách trung hạn tại nhiều quốc gia có khác nhau, song đều đạt được những kết quả chung nhất định về: (i) tăng cường kỷ luật tài khóa; (ii) tăng cường vai điều tiết, ổn định nền kinh tế của chính phủ; (iii) cải thiện công tác quản lý, phân bổ nguồn ngân sách, tập trung vào các ưu tiên của nền kinh tế; (iv) tăng cường hiệu quả chi tiêu ngân sách, hướng tới các kết quả thực hiện nhiệm vụ, đầu ra của các khoản chi tiêu.

*Tóm lại*, việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm là cần thiết, với đầy đủ các căn cứ và đáp ứng được đòi hỏi khách quan của công tác quản lý tài chính – NSNN trong tình hình mới.

## II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2015, Bộ Tài chính đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định, thành viên gồm đại diện các bộ, địa phương và đã triển khai thực hiện các công việc chủ yếu sau:

1. Tổ chức họp trong Ban soạn thảo, Tổ biên tập thảo luận, cho ý kiến về các nội dung quy định trong dự thảo Nghị định.
2. Lấy ý kiến bằng văn bản các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương.
3. Tổ chức một số hội thảo để xin ý kiến các cơ quan, tổ chức, các chuyên gia, nhà quản lý.
4. Xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

Dự thảo Nghị định đã được gửi xin ý kiến bằng văn bản các Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan trung ương các đoàn thể, các địa phương; tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia trong nước và quốc tế; đăng tải trên trang điện tử của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức và cá nhân; xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; tổ chức đánh giá, báo cáo tác động xã hội... theo đúng quy định của Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.

Nội dung dự thảo Nghị định đã tiếp thu những ý kiến đóng góp phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và điều kiện thực tế. Các nội dung còn nhiều ý kiến khác nhau, Bộ Tài chính tổng hợp, giải trình chi tiết trong

<sup>2</sup> Nguồn: Suhas Joshi (IMF), Moving to Medium-term Budgeting - essentials and experiences, Policy Dialogue with NIF, Researchers, Hanoi - 8/2011.

<sup>3</sup> Beyond the Annual Budget: Global Experience with Medium-Term Expenditure Frameworks, WB, 2013

Bản tổng hợp ý kiến góp ý và trong phần V của Tờ trình này.

### **III. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Dự thảo Nghị định được xây dựng trên các quan điểm cơ bản sau đây:

1. Quán triệt và cụ thể hóa các quy định của Luật Ngân sách nhà nước 2015 về nội dung, thẩm quyền, thời gian liên quan tới kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm; các nguyên tắc về cân đối ngân sách nhà nước, về quản lý ngân sách nhà nước, về phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách, về quản lý an toàn nợ công và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Kế thừa những kết quả và bài học thu được từ việc xây dựng các chỉ tiêu tài chính giai đoạn 5 năm trước đây, việc triển khai quản lý ngân sách nhà nước đối với các chương trình, dự án; các kết quả giai đoạn thí điểm kế hoạch tài chính trung hạn.

3. Quy định rõ trình tự, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình lập và trình kế hoạch tài chính 05 năm, lập và báo cáo kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm.

4. Đảm bảo sự liên kết giữa kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; phù hợp với các chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, nợ công... trong cùng giai đoạn kế hoạch; góp phần thực hiện các chiến lược, kế hoạch dài hạn, trong phạm vi khả năng cân đối nguồn lực.

5. Quy định việc triển khai có lộ trình, phù hợp với các quy định về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, phân cấp quản lý về ngân sách nhà nước và trình độ quản lý tài chính - ngân sách hiện nay.

### **IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**1. Bố cục của dự thảo Nghị định:** Dự thảo Nghị định bao gồm 17 Điều, chia làm 4 chương:

- Chương I: “Những quy định chung” gồm 3 điều, từ Điều 1 đến Điều 3.

- Chương II: “Lập kế hoạch tài chính 5 năm” gồm 6 điều, từ Điều 4 đến Điều 9.

- Chương III: “Lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm” gồm 5 điều, từ Điều 10 đến Điều 14.

- Chương IV: “Điều khoản thi hành” gồm 3 điều, từ Điều 15 đến Điều 17.

#### **2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định**

a) Chương I: “Những quy định chung” quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích cách hiểu một số từ ngữ trong dự thảo Nghị định.

b) Chương II: “Lập kế hoạch tài chính 05 năm”, quy định chi tiết về căn cứ, yêu cầu, nội dung, trình tự và nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức trong việc kế hoạch tài chính 05 năm, bao gồm kế hoạch tài chính 05 năm quốc

gia và kế hoạch tài chính 5 năm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, phù hợp với quy định tại Điều 17 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015. Trong đó:

- Về căn cứ lập kế hoạch tài chính 05 năm: Điều 4 Dự thảo quy định cụ thể cho từng cấp kế hoạch (quốc gia và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương), với các căn cứ cơ bản là: (i) đánh giá tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước; (ii) các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, nợ công, cải cách hệ thống thuế và mục tiêu, chỉ tiêu định hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 và điều ước quốc tế mà Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có hiệu lực thi hành trong 05 năm giai đoạn sau; (iii) quy định của pháp luật về tài chính - ngân sách và định hướng sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách, chế độ về thu, chi và quản lý thu, chi ngân sách nhà nước trong 05 năm giai đoạn sau (đối với địa phương còn phải dựa vào chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi thuộc thẩm quyền của địa phương và định hướng sửa đổi, bổ sung chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi này); (iv) dự báo tác động của tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước đến sự phát triển và khả năng huy động các nguồn lực tài chính, ngân sách nhà nước; (v) chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn sau.

- Về yêu cầu lập kế hoạch tài chính 05 năm, Điều 5 Dự thảo quy định: (i) Phù hợp với các mục tiêu phát triển của các chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, nợ công, cải cách hệ thống thuế; mục tiêu và những chỉ tiêu định hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn sau của cả nước, lĩnh vực, địa phương; các quy hoạch đã được phê duyệt; (ii) Phù hợp với các nguyên tắc về: cân đối ngân sách nhà nước, quản lý ngân sách nhà nước, quản lý an toàn nợ công, phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách; (iii) Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ cụ thể; (iv) Công khai, minh bạch, hiệu quả.

- Về nội dung kế hoạch tài chính 05 năm, Điều 6 Dự thảo quy định cụ thể cho từng cấp kế hoạch (quốc gia và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương), với những nội dung cơ bản sau: (i) Tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu về tài chính - ngân sách nhà nước 5 năm giai đoạn trước theo những tiêu chí, nội dung cụ thể (thu, chi và cơ cấu thu, chi, bội chi, dư nợ, huy động vốn...), làm rõ những kết quả đạt được và hạn chế, yếu kém và nguyên nhân, bài học kinh nghiệm; (ii) Xác định mục tiêu tổng quát, các nhiệm vụ cụ thể về tài chính - ngân sách nhà nước; các định hướng lớn về tài chính - ngân sách nhà nước nói chung và đối với một số ngành, lĩnh vực nói riêng; huy động và phân phối các nguồn lực; cơ cấu ngân sách nhà nước; (iii) xác định khung thu, chi và cân đối ngân sách nhà nước 05 năm; (iv) Các chỉ tiêu về nợ và định hướng đảm bảo an ninh, an toàn tài chính quốc gia, quản lý bền vững nợ công; (v) Dự báo rủi ro và tác động; (vi) Các giải pháp tổ chức thực hiện.

- Về trình tự lập kế hoạch tài chính 05 năm:

Theo quy định của Điều 17 Luật Ngân sách nhà nước, kế hoạch tài

chính 05 năm có tính chất khái quát cao, định hướng cho công tác lập dự toán NSNN hằng năm và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm. Việc lập kế hoạch tài chính 05 năm do vậy không đi theo phương pháp từ dưới lên (tổng hợp từ các địa phương), mà đi từ trên xuống, dựa trên các dự báo vĩ mô. Bản kế hoạch này cũng không chi tiết cho từng năm, mà thể hiện số bình quân của cả giai đoạn. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và một số cơ quan trung ương khác có liên quan để lập kế hoạch này.

Kế hoạch 05 năm của địa phương chỉ xây dựng cho ngân sách tỉnh, cũng theo phương pháp đi từ trên xuống, không tổng hợp từ các quận, huyện. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và một số cơ quan khác ở địa phương có liên quan để lập kế hoạch này.

Với tinh thần trên, Điều 7 Dự thảo chỉ quy định các mốc thời gian thực hiện từng bước công việc đối với Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đảm bảo phù hợp với trình tự xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và lập dự toán ngân sách hằng năm. Bên cạnh đó, do việc lập kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có tính độc lập tương đối so với việc kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, nên để đảm bảo phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển chung của đất nước, Dự thảo quy định trước ngày 31/12 năm thứ tư của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải gửi xin ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương (sau khi đã có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp) để hoàn thiện, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua.

- Việc điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm: Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 không quy định nội dung này. Tuy nhiên, xét bối cảnh kinh tế nước ta hội nhập ngày càng sâu và phụ thuộc ngày càng nhiều vào điều kiện kinh tế thế giới; biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp và có những ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội; việc lập kế hoạch cho thời gian dài tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro; rất cần phải có quy định cho phép điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm trong trường hợp cần thiết. Vì vậy, Điều 8 Dự thảo quy định về việc điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm trong trường hợp có biến động lớn về thu, chi ngân sách nhà nước hoặc khả năng huy động các nguồn vốn vay so với các mục tiêu của kế hoạch tài chính 05 năm đã được phê duyệt. Bên cạnh đó, do giữa kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia và kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương có tính chất độc lập tương đối, nên sự điều chỉnh của kế hoạch 05 năm quốc gia không ảnh hưởng đến kế hoạch 05 năm của địa phương; theo đó Dự thảo không quy định việc điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương khi điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức trong lập kế hoạch tài chính 05 năm: Dự thảo quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ và cơ quan trung ương, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

c) Chương III: “Lập kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm”, quy định chi tiết căn cứ, yêu cầu, nội dung, trình tự và nhiệm vụ, quyền hạn của



các cơ quan, tổ chức trong lập kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm phù hợp với quy định tại Điều 43 Luật Ngân sách nhà nước, bao gồm: kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia; kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm của bộ, cơ quan Trung ương và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh. Trong đó:

- Về căn cứ lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm: Điều 10 Dự thảo quy định cụ thể căn cứ lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm cho từng cấp kế hoạch (quốc gia, tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan và đơn vị), trong đó:

+ Đối với kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của cấp ngân sách (quốc gia, địa phương), các căn cứ chủ yếu gồm: (i) Tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm hiện hành; (ii) Các chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, nợ công, cải cách hệ thống thuế; các kế hoạch 05 năm về phát triển kinh tế - xã hội, tài chính và đầu tư công (trường hợp giai đoạn 03 năm nằm trọn trong kế hoạch 05 năm), hoặc mục tiêu định hướng phát triển kinh tế - xã hội, tài chính và đầu tư công 05 năm giai đoạn sau (trường hợp giai đoạn 03 năm có năm nằm ngoài kế hoạch 05 năm); (iii) Dự báo tăng trưởng kinh tế và các cân đối lớn của nền kinh tế trong giai đoạn 03 năm kế hoạch; khung thu, chi và cơ cấu thu, chi ngân sách nhà nước, trần chi tiêu của các lĩnh vực xác định đến năm dự toán ngân sách trong kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia đã lập năm trước; (iv) Quy định của pháp luật về tài chính – ngân sách nhà nước, bao gồm cả cơ chế phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương trong thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; định hướng sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách, chế độ về thu, chi và quản lý thu, chi ngân sách nhà nước, định hướng điều chỉnh cơ chế, chính sách về tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước và chế độ tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công trong giai đoạn kế hoạch; (v) Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

+ Đối với kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của các bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh, căn cứ chủ yếu gồm: (i) Tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chủ yếu và dự toán ngân sách nhà nước được giao năm hiện hành của các bộ, cơ quan và đơn vị; (ii) Các chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, nợ công, cải cách hệ thống thuế; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đã được phê duyệt của địa phương; các kế hoạch 05 năm của quốc gia và địa phương về phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, đầu tư công (trường hợp giai đoạn 03 năm nằm trọn trong kế hoạch 05 năm), hoặc mục tiêu định hướng phát triển kinh tế - xã hội, tài chính và đầu tư công 05 năm giai đoạn sau (trường hợp giai đoạn 03 năm có năm nằm ngoài kế hoạch 05 năm); (iii) Quy định của pháp luật về tài chính – ngân sách nhà nước; định hướng sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách, chế độ về thu, chi và quản lý thu, chi ngân sách nhà nước và các chế độ, tiêu chuẩn, định

mức chi thuộc thẩm quyền của địa phương; định hướng điều chỉnh cơ chế, chính sách về tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước và chế độ tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công trong giai đoạn kế hoạch; (iv) Dự báo tăng trưởng kinh tế và các mục tiêu kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong giai đoạn kế hoạch; (v) Chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; trần chi tiêu cho các bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh xác định đến năm dự toán ngân sách trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm đã lập năm trước.

- Về yêu cầu lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, Điều 11 Dự thảo quy định: (i) tổng hợp theo từng khoản thu, chi và cơ cấu thu, chi đối với kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của cấp ngân sách; thể hiện đầy đủ các khoản thu, chi và đúng thời hạn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định đối với kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của các bộ, cơ quan và đơn vị. (ii) kết hợp đánh giá khả năng nguồn lực tài chính - ngân sách nhà nước từ trên xuống với nhu cầu chi từ dưới lên và cân đối theo thứ tự ưu tiên các mục tiêu, nhiệm vụ; (iii) giao Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết việc kết hợp đánh giá khả năng nguồn lực tài chính - ngân sách nhà nước từ trên xuống với nhu cầu chi từ dưới lên và cân đối theo thứ tự ưu tiên các mục tiêu, nhiệm vụ.

- Về nội dung kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, Điều 12 Dự thảo quy định cụ thể nội dung kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm cho từng cấp kế hoạch (quốc gia, tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan và đơn vị), trong đó:

+ Đối với kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của cấp ngân sách, nội dung chủ yếu gồm: (i) Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm hiện hành và dự báo tăng trưởng kinh tế, các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô chủ yếu trong giai đoạn 03 năm kế hoạch; đánh giá xu hướng phát triển của nền kinh tế trong giai đoạn từ năm liền trước năm hiện hành đến hết năm thứ 3 của giai đoạn kế hoạch; (ii) Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm hiện hành; những chính sách ngân sách quan trọng dự kiến thực hiện trong năm dự toán ngân sách và 02 năm tiếp theo để đảm bảo hoạt động tài chính - ngân sách nhà nước sự phát triển theo đúng mục tiêu, định hướng của Kế hoạch tài chính 05 năm; (iii) Xác định số thu, chi và cơ cấu thu, chi ngân sách nhà nước năm dự toán và 02 năm tiếp theo, trong đó: đối với năm dự toán ngân sách, dự toán thu, chi ngân sách được lập chi tiết theo từng khoản thu, lĩnh vực chi và cơ cấu thu, chi; đối với 02 năm tiếp theo, dự báo thu, chi ngân sách thể hiện theo tổng thu, tổng chi; số thu, chi và cơ cấu theo lĩnh vực thu, chi lớn; (iv) Xác định trần chi tiêu theo từng lĩnh vực chi cho các bộ, cơ quan, đơn vị và trần bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới; làm rõ những biến động lớn trong phân bổ chi ngân sách đối với bộ, cơ quan, đơn vị và số bổ sung cho ngân sách cấp dưới (nếu có); (v) Dự báo những rủi ro chủ yếu, công nợ dự phòng tác động đến thu, chi, bội chi ngân sách nhà nước; (vi) Các giải pháp tổ chức thực hiện.

+ Đối với kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm của các bộ, cơ

quan và đơn vị, nội dung gồm: (i) Tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chính sách, chế độ chủ yếu của bộ, cơ quan, đơn vị năm hiện hành; mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chủ yếu của bộ, cơ quan, đơn vị trong giai đoạn 03 năm kế hoạch; (ii) Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách của bộ, cơ quan, đơn vị năm hiện hành và năm liền trước; dự báo các nguồn lực tài chính, trong đó dự báo về số thu được giao quản lý, yêu cầu về chi ngân sách để thực hiện của bộ, cơ quan, đơn vị năm dự toán ngân sách và 02 năm tiếp theo; (iii) Dự kiến việc phân bổ ngân sách trong mức trần chi tiêu được thông báo theo thứ tự ưu tiên, chi tiết theo chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; (iv) Dự báo các rủi ro phát sinh trong tổ chức thực hiện kế hoạch; các vấn đề về nợ đọng, phát sinh công nợ dự phòng; (v) Các giải pháp tổ chức thực hiện.

Dự thảo cũng giao Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết quy trình xác định các mức trần chi tiêu quy định tại Điều này.

- Về trình tự lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm: Điều 13 Dự thảo quy định cụ thể mốc thời gian thực hiện từng bước công việc đối với Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Các mốc thời gian và bước công việc này đã được rà soát, đảm bảo phù hợp với trình tự xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, lập dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công hằng năm. Bên cạnh các mốc thời gian và các bước công việc quy định tương tự như quy trình lập dự toán ngân sách hàng năm, dự thảo có thêm quy định về mốc thời gian cho công tác chuẩn bị lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; theo đó trước khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị quy định về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, Bộ Tài chính chủ trì báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét thông qua một số cân đối lớn về tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm làm cơ sở để Thủ tướng Chính phủ đưa ra quyết định về số kiểm tra của các Bộ, cơ quan trung ương, mức trần chi tiêu ngân sách 03 năm của các Bộ, cơ quan trung ương và mức trần số bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.

d) Chương IV: “Điều khoản thi hành”, quy định cụ thể hiệu lực thi hành Nghị định, điều khoản chuyển tiếp và trách nhiệm thi hành của các cơ quan, tổ chức có liên quan, trong đó:

- Về hiệu lực thi hành: để phù hợp với thực tiễn và đảm bảo tính thống nhất với các dự thảo văn bản pháp luật khác (Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia, dự toán NSNN, phương án phân bổ NSTW và phê chuẩn quyết toán NSNN hằng năm; Nghị định của Chính phủ về ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương), Điều 15 Dự thảo quy định Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ năm ngân sách 2018 đối với việc lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; từ năm ngân sách 2021 đối với việc

lập kế hoạch tài chính 05 năm.

- Về điều khoản chuyên tiếp: Để tháo gỡ khó khăn, lúng túng trong thời gian đầu tổ chức thực hiện việc lập kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm; đồng thời, dành thêm thời gian để các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương và cơ quan, đơn vị ở địa phương làm quen với công việc này; Điều 16 Dự thảo quy định việc lập kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm được triển khai thực hiện từng bước, phù hợp với khả năng thực tế, trong đó: (i) từ năm ngân sách 2018 - 2020, giao Bộ Tài chính lựa chọn một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương có đủ điều kiện để triển khai lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; (ii) từ năm ngân sách 2021, căn cứ tình hình triển khai trong các năm 2018-2020, sẽ mở rộng phạm vi triển khai kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm phù hợp với thực tế.

## **V. VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU CÀN XIN Ý KIẾN**

*(Nội dung này sẽ bổ sung sau)*

## **VI. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP**

*(Nội dung này sẽ bổ sung sau)*

Trên đây là những nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị định quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính ngân sách 5 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách 3 năm.

*(Xin gửi kèm theo: .....)*

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Vụ PC, Cục QLNTCĐN, Vụ ĐT, Vụ HCSN;
- Lưu: VT, NSNN ( ... b).

**BỘ TRƯỞNG**

**Đinh Tiến Dũng**

Số: ...../2016/NĐ-CP

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2016

**DỰ THẢO**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 05 năm và  
kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết việc:

1. Lập kế hoạch tài chính 05 năm, bao gồm kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia và kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc lập kế hoạch tài chính 05 năm.

2. Lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, bao gồm kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Văn phòng Chủ tịch

nước, Văn phòng Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi chung là Bộ, cơ quan Trung ương).

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh.

3. Cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến việc lập kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Kế hoạch tài chính 05 năm” là kế hoạch tài chính được lập trong thời hạn 05 năm cùng với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm theo quy định tại Điều 17 Luật Ngân sách nhà nước; bao gồm kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia và kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. “Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm” là kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước được lập hằng năm cho thời hạn 03 năm theo quy định tại Điều 43 Luật Ngân sách nhà nước; bao gồm kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh.

3. “Phương thức cuốn chiếu” trong lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm là việc hằng năm thực hiện lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước cho thời hạn 03 năm liền sau, trong đó: năm thứ nhất chính là năm dự toán ngân sách và được chi tiết theo từng khoản thu, chi và cơ cấu thu, chi và số bội chi ngân sách; 02 năm tiếp theo đưa ra các dự báo về số thu, chi, bội chi ngân sách nhà nước và một số nội dung liên quan khác để làm định hướng xác định thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn lực cho từng lĩnh vực khi lập dự toán ngân sách nhà nước năm tương ứng.

4. “Chi tiêu cơ sở” là các khoản chi ngân sách nhà nước phải bố trí cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ, chế độ, chính sách đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định và cam kết bố trí nguồn trong dự toán ngân sách của năm trước, đang triển khai và sẽ tiếp tục thực hiện trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

5. “Chi tiêu mới” là các khoản chi ngân sách nhà nước cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ, chế độ, chính sách mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện, bao gồm cả các chương trình, dự án, nhiệm vụ, chế độ, chính sách đã ban hành trước đây nhưng chưa được bố trí nguồn và cần tiếp tục thực hiện trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

6. “Trần chi tiêu của các cơ quan, đơn vị” là giới hạn chi ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền thông báo cho các Bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, trong đó: trần chi tiêu của năm thứ nhất chính là số kiểm tra dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước và không thay đổi được; trần chi tiêu của 02 năm tiếp theo có thể thay đổi tùy theo kết quả thực hiện thu, chi ngân sách năm dự toán và tình hình thực tế, đây là định hướng giới hạn về nguồn lực để các Bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh chủ động điều chỉnh thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn lực cho từng nhiệm vụ, hoạt động của mình trong trung hạn.

## **Chương II**

### **LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 05 NĂM**

#### **Điều 4. Căn cứ lập kế hoạch tài chính 05 năm**

1. Căn cứ lập kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia bao gồm:
  - a) Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch tài chính quốc gia 05 năm giai đoạn trước;
  - b) Các chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, nợ công, cải cách hệ thống thuế; mục tiêu và những chỉ tiêu định hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn sau; điều ước quốc tế mà Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có hiệu lực thi hành trong 05 năm giai đoạn sau;
  - c) Quy định của pháp luật về tài chính – ngân sách nhà nước; định hướng sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách, chế độ về tài chính – ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn sau;
  - d) Dự báo tác động của tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước đến sự phát triển và khả năng huy động các nguồn lực tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn sau;
  - đ) Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn sau.
2. Căn cứ lập kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bao gồm:
  - a) Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước của địa phương;
  - b) Các chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, nợ công; mục tiêu và những chỉ tiêu định hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 năm

giai đoạn sau của địa phương; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đã được phê duyệt của địa phương;

c) Dự báo tác động của tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước đến sự phát triển và khả năng huy động các nguồn lực tài chính - ngân sách địa phương 05 năm giai đoạn sau;

d) Quy định của pháp luật về tài chính – ngân sách nhà nước, bao gồm cả cơ chế phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương; định hướng sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách, chế độ về tài chính – ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn sau;

đ) Chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi thuộc thẩm quyền của địa phương và định hướng sửa đổi, bổ sung chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi này trong 05 năm giai đoạn sau; khả năng cân đối, huy động vốn vay ngân sách địa phương;

e) Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn sau.

### **Điều 5. Yêu cầu lập kế hoạch tài chính 05 năm**

1. Phù hợp với các mục tiêu phát triển của các chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, nợ công, cải cách hệ thống thuế; mục tiêu và những chỉ tiêu định hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn sau của cả nước, lĩnh vực, địa phương; các quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Phù hợp với các nguyên tắc về: cân đối ngân sách nhà nước, quản lý ngân sách nhà nước, quản lý an toàn nợ công, phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách.

3. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ cụ thể.

4. Công khai, minh bạch, hiệu quả.

### **Điều 6. Nội dung kế hoạch tài chính 05 năm**

1. Nội dung kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia bao gồm:

a) Tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu về tài chính - ngân sách nhà nước 5 năm giai đoạn trước, gồm: thu và cơ cấu thu ngân sách, chi và cơ cấu chi ngân sách; bội chi ngân sách nhà nước; nợ Chính phủ, nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia; huy động vốn vay trong và ngoài nước; đánh giá những kết quả tích cực, những hạn chế, yếu kém, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

b) Xác định mục tiêu tổng quát, các nhiệm vụ cụ thể về tài chính – ngân sách nhà nước, các định hướng lớn về tài chính - ngân sách nhà nước nói chung



và đối với một số ngành, lĩnh vực nói riêng, huy động và phân phối các nguồn lực, cơ cấu ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn sau.

c) Xác định khung cân đối ngân sách nhà nước 05 năm, bao gồm:

- Thu ngân sách nhà nước, gồm: tổng thu; số thu và cơ cấu theo thu nội địa, thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu, thu viện trợ; tỷ lệ huy động thu ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước (GDP); các yếu tố tác động đến thu ngân sách nhà nước.

- Chi ngân sách nhà nước, gồm: tổng chi; số chi và cơ cấu theo chi đầu tư phát triển, chi dự trữ quốc gia, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, các khoản chi khác; các yếu tố tác động đến chi ngân sách nhà nước.

- Bội chi ngân sách nhà nước: số tuyệt đối và tỷ lệ so với GDP.

d) Các chỉ tiêu về nợ, gồm: chi trả nợ; dư nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia; các định hướng đảm bảo an ninh, an toàn tài chính quốc gia, quản lý bền vững nợ công.

đ) Dự báo rủi ro và tác động đến thu, chi, bội chi ngân sách nhà nước và nợ công, bao gồm: rủi ro trong thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội; rủi ro do điều chỉnh cơ chế, chính sách; rủi ro về nợ công, nợ chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia và phát sinh công nợ dự phòng.

e) Các giải pháp tổ chức thực hiện.

2. Nội dung kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bao gồm:

a) Tình hình và kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu về tài chính - ngân sách địa phương 05 năm giai đoạn trước, gồm: thu và cơ cấu thu ngân sách trên địa bàn, thu và cơ cấu thu ngân sách địa phương; chi và cơ cấu chi ngân sách địa phương; bội chi ngân sách địa phương; dư nợ của chính quyền địa phương; huy động vốn vay; các hạn chế, yếu kém, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

b) Xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể về tài chính - ngân sách địa phương, các định hướng lớn về tài chính và ngân sách địa phương, cơ cấu ngân sách địa phương 05 năm giai đoạn sau.

c) Xác định khung cân đối ngân sách địa phương, bao gồm:

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu ngân sách địa phương, gồm: tổng thu; số thu và cơ cấu theo thu nội địa, thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu; các nhân tố tác động đến thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

- Chi ngân sách địa phương, gồm: tổng chi; số chi và cơ cấu theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi; các yếu tố tác động đến chi ngân sách địa phương.

- Bội chi ngân sách địa phương và phương án huy động bù đắp bội chi ngân sách địa phương;

d) Các chỉ tiêu về nợ của địa phương, gồm: chi trả nợ, dư nợ của chính quyền địa phương; các định hướng đảm bảo an toàn nợ của chính quyền địa phương.

đ) Dự báo rủi ro và tác động đến thu, chi, bội chi ngân sách địa phương và nợ của chính quyền địa phương.

e) Các giải pháp tổ chức thực hiện.

## **Điều 7. Trình tự lập kế hoạch tài chính 05 năm**

1. Trình tự lập kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia:

a) Trước ngày 31 tháng 3 năm thứ tư của kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn trước, Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc lập kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn sau.

b) Trước ngày 31 tháng 12 năm thứ tư của kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan có liên quan, cung cấp các chỉ tiêu kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn sau cho Bộ Tài chính để làm căn cứ xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn sau.

c) Trước ngày 31 tháng 3 năm thứ năm của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn sau trình Chính phủ .

d) Trước ngày 20 tháng 9 năm thứ năm của kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn trước, căn cứ ý kiến của Chính phủ, Bộ Tài chính hoàn chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn sau để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội.

đ) Trước ngày 20 tháng 10 năm thứ năm của kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn trước, căn cứ ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội và các Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ hoàn chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn sau trình Quốc hội.

2. Trình tự lập kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Trước ngày 15 tháng 5 năm thứ tư của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, căn cứ Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn sau, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn sau;

b) Trước ngày 30 tháng 11 năm thứ tư của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn sau;

c) Trước ngày 31 tháng 12 năm thứ tư của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương đã hoàn chỉnh theo ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp để xin ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

d) Căn cứ ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn sau báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định cùng thời điểm trình dự toán ngân sách năm đầu thời kỳ kế hoạch 05 năm giai đoạn sau.

## **Điều 8. Điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm**

### **1. Đối với kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia:**

a) Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia được điều chỉnh trong trường hợp thu, chi ngân sách nhà nước có biến động lớn, hay có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh hoặc khả năng huy động các nguồn vốn vay không đạt mục tiêu đã được phê duyệt;

b) Trường hợp phải điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, Bộ Tài chính chủ trì xây dựng phương án điều chỉnh, báo cáo Chính phủ đề trình Quốc hội quyết định.

### **2. Đối với kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:**

a) Kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được điều chỉnh trong trường hợp có biến động lớn về thu, chi ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động vốn vay của địa phương so với các mục tiêu đã được phê duyệt;

b) Trường hợp phải điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính xây dựng phương án điều chỉnh, gửi Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương điều chỉnh chậm nhất 30 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua.

### **Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức trong lập kế hoạch tài chính 05 năm**

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ:

a) Thống nhất quản lý nhà nước về lập kế hoạch tài chính 05 năm; ban hành văn bản pháp luật đối với lĩnh vực này;

b) Trình Quốc hội quyết định kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch tài chính 05 năm điều chỉnh trong trường hợp cần thiết.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ:

a) Ban hành quy định về việc lập kế hoạch tài chính 05 năm;

b) Chỉ đạo việc lập kế hoạch tài chính 05 năm điều chỉnh trong trường hợp cần thiết.

c) Tổ chức kiểm tra việc lập kế hoạch tài chính 05 năm của các địa phương.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính:

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia báo cáo Chính phủ trình Quốc hội quyết định;

b) Chủ trì xây dựng phương án điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia trong trường hợp cần thiết, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội quyết định;

c) Tham gia ý kiến với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương, hoặc kế hoạch tài chính 05 năm điều chỉnh của địa phương (nếu có).

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương tính toán, xây dựng các phương án tăng trưởng kinh tế và các cân đối lớn của nền kinh tế 05 năm giai đoạn sau để làm căn cứ xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia.

b) Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia.

c) Tham gia ý kiến với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương, hoặc kế hoạch tài chính 05 năm điều chỉnh của địa phương (nếu có).

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, cơ quan Trung ương

a) Xây dựng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn sau của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm căn cứ xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia.

b) Phối hợp với Bộ Tài chính trong quá trình lập kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan ở địa phương tính toán, xây dựng các phương án tăng trưởng kinh tế và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương 05 năm giai đoạn sau để làm căn cứ xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương.

b) Chỉ đạo Sở Tài chính xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương, phương án điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương (trong trường hợp cần thiết) báo cáo Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định và gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại Nghị định này.

### Chương III

#### LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM

##### **Điều 10. Căn cứ lập kế hoạch - tài chính ngân sách nhà nước 03 năm**

1. Căn cứ lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia:

a) Tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm hiện hành.

b) Các chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, nợ công, cải cách hệ thống thuế; các kế hoạch 05 năm về phát triển kinh tế - xã hội, tài chính và đầu tư công (trường hợp giai đoạn 03 năm nằm trọn trong kế hoạch 05 năm), hoặc mục tiêu định hướng phát triển kinh tế - xã hội, tài chính và đầu tư công 05 năm giai đoạn sau (trường hợp giai đoạn 03 năm có năm nằm ngoài kế hoạch 05 năm);

c) Dự báo tăng trưởng kinh tế và các cân đối lớn của nền kinh tế trong giai đoạn 03 năm kế hoạch; khung thu, chi và cơ cấu thu, chi ngân sách nhà nước, trần chi tiêu của các lĩnh vực xác định đến năm dự toán ngân sách trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia đã lập năm trước;

d) Quy định của pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước, bao gồm cả cơ chế phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân

sách địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương trong thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; định hướng sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách, chế độ về thu, chi và quản lý thu, chi ngân sách nhà nước, định hướng điều chỉnh cơ chế, chính sách về tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước và chế độ tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công trong giai đoạn kế hoạch;

d) Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

e) Kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

2. Căn cứ lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bao gồm:

a) Tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm hiện hành của địa phương;

b) Các chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, nợ công, cải cách hệ thống thuế; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đã được phê duyệt của địa phương; các kế hoạch 05 năm của quốc gia và địa phương về phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, đầu tư công (trường hợp giai đoạn 03 năm nằm trọn trong kế hoạch 05 năm), hoặc mục tiêu định hướng phát triển kinh tế - xã hội, tài chính và đầu tư công 05 năm giai đoạn sau (trường hợp giai đoạn 03 năm có năm nằm ngoài kế hoạch 05 năm);

c) Dự báo tăng trưởng kinh tế và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong giai đoạn 03 năm kế hoạch; trần chi tiêu của các lĩnh vực xác định đến năm dự toán ngân sách trong kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm đã lập năm trước của địa phương;

d) Quy định của pháp luật về tài chính – ngân sách nhà nước, bao gồm cả cơ chế phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương trong thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; định hướng sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách, chế độ do trung ương ban hành về thu, chi và quản lý thu, chi ngân sách nhà nước, định hướng điều chỉnh cơ chế, chính sách về tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước và chế độ tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công trong giai đoạn kế hoạch;

đ) Chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi thuộc thẩm quyền của địa phương và định hướng sửa đổi, bổ sung chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi này trong giai đoạn kế hoạch; mức trần bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương xác định đến năm dự toán ngân sách trong

kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia đã lập năm trước; khả năng cân đối, huy động vốn vay ngân sách địa phương;

e) Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

g) Kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm của các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh.

3. Căn cứ lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của các bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh:

a) Tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chủ yếu và dự toán ngân sách nhà nước được giao năm hiện hành của các bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh.

b) Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, kế hoạch đầu tư công trung hạn của cơ quan, đơn vị; dự kiến sửa đổi, bổ sung, ban hành mới chế độ, chính sách của các bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh trong giai đoạn kế hoạch.

c) Quy định của pháp luật về tài chính – ngân sách nhà nước; định hướng sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách, chế độ về thu, chi và quản lý thu, chi ngân sách nhà nước và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi thuộc thẩm quyền của địa phương; định hướng điều chỉnh cơ chế, chính sách về tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước và chế độ tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công trong giai đoạn kế hoạch;

d) Dự báo tăng trưởng kinh tế và các mục tiêu kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong giai đoạn kế hoạch.

đ) Chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; trần chi tiêu cho các bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh xác định đến năm dự toán ngân sách trong kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm đã lập năm trước.

### **Điều 11. Yêu cầu lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm**

1. Tổng hợp theo từng khoản thu, chi và cơ cấu thu, chi theo quy định tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định này đối với kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; thể hiện đầy đủ các khoản thu, chi theo đúng biểu mẫu, thời hạn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định đối với kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của các bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh.

2. Kết hợp đánh giá khả năng nguồn lực tài chính – ngân sách nhà nước từ

trên xuống với nhu cầu chi từ dưới lên và cân đối theo thứ tự ưu tiên các mục tiêu, nhiệm vụ; cụ thể:

a) Đánh giá khả năng nguồn lực tài chính – ngân sách nhà nước từ trên xuống:

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá khả năng nguồn lực tài chính – ngân sách nhà nước năm dự toán ngân sách và 2 năm tiếp theo; trên cơ sở đó xây dựng khung tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, dự kiến các ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá khả năng nguồn lực tài chính – ngân sách địa phương trong giai đoạn 03 năm kế hoạch; trên cơ sở đó xây dựng khung tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và dự kiến các ưu tiên bố trí ngân sách địa phương.

b) Đánh giá nhu cầu chi từ dưới lên:

Các bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh căn cứ: mục tiêu, nhiệm vụ được giao; quy định của pháp luật về tài chính – ngân sách nhà nước, các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu hiện hành và định hướng sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách, chế độ, cơ chế quản lý thu, chi ngân sách nhà nước, quản lý tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công trong giai đoạn kế hoạch; trần chi tiêu được giao đến năm dự toán ngân sách trong kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm đã lập năm trước và những điều chỉnh (nếu có) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thực hiện:

- Xác định nhu cầu (bao gồm cả xử lý thu hồi các khoản vốn ứng trước nếu có), thứ tự ưu tiên chi tiêu của cơ quan, đơn vị mình theo lĩnh vực chi quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và chi tiết theo chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới.

- Dự kiến nguồn lực đáp ứng nhu cầu chi tiêu của cơ quan, đơn vị, chi tiết theo nguồn ngân sách nhà nước và nguồn thu của cơ quan, đơn vị theo chế độ quy định.

- Chủ động cân đối nhu cầu chi theo thứ tự ưu tiên đã xác định với khả năng nguồn lực, trong phạm vi trần chi tiêu đã được thông báo.

c) Cân đối nhu cầu chi và khả năng nguồn lực:

Trường hợp nhu cầu chi của các bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị ở địa phương lớn hơn khả năng nguồn lực tài chính – ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính (đối với ngân sách trung ương), Sở Tài chính (đối với ngân sách địa phương) chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, sắp xếp, cắt giảm nhu cầu chi theo thứ tự ưu tiên, phù hợp với khả năng nguồn lực. Trên



cơ sở đó, Bộ Tài chính xác định lại các ưu tiên bố trí ngân sách trung ương, trần chi tiêu cho các bộ và cơ quan trung ương, trần bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu cho từng địa phương; Sở Tài chính xác định các ưu tiên bố trí ngân sách địa phương, trần chi tiêu cho các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh, trần bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới trong giai đoạn 03 năm kế hoạch.

3. Giao Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết việc kết hợp đánh giá khả năng nguồn lực tài chính – ngân sách nhà nước từ trên xuống với nhu cầu chi từ dưới lên và cân đối theo thứ tự ưu tiên các mục tiêu, nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

## **Điều 12. Nội dung kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm**

### **1. Nội dung kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia:**

a) Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm hiện hành và dự báo tăng trưởng kinh tế, các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô chủ yếu trong giai đoạn 03 năm kế hoạch; đánh giá xu hướng phát triển của nền kinh tế trong giai đoạn 05 năm, từ năm liền trước năm hiện hành đến hết năm thứ 3 của giai đoạn kế hoạch, so sánh với các mục tiêu đặt ra trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm đã được Quốc hội quyết định.

b) Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm hiện hành; những chính sách ngân sách quan trọng dự kiến thực hiện trong năm dự toán ngân sách và 02 năm tiếp theo để đảm bảo hoạt động tài chính – ngân sách nhà nước sự phát triển theo đúng mục tiêu, định hướng của Kế hoạch tài chính 05 năm.

c) Xác định số thu, chi và cơ cấu thu, chi ngân sách nhà nước năm dự toán và 02 năm tiếp theo, đảm bảo nguyên tắc:

- Đối với năm dự toán ngân sách, dự toán thu ngân sách nhà nước được tổng hợp theo từng khoản thu và cơ cấu thu nội địa, thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu, thu viện trợ, kèm theo thuyết minh các yếu tố tác động đến thu ngân sách; dự toán chi ngân sách nhà nước được tổng hợp theo từng lĩnh vực chi và cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi dự trữ quốc gia, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, các khoản chi khác, kèm theo thuyết minh các yếu tố tác động đến chi ngân sách; bội chi ngân sách nhà nước; nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia.

- Đối với 02 năm tiếp theo, dự báo thu ngân sách nhà nước gồm tổng thu, số thu và cơ cấu theo thu nội địa, thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu, thu viện trợ, các yếu tố chủ yếu tác động đến thu ngân sách (nếu có); dự báo chi ngân sách nhà nước gồm tổng chi, số chi và cơ cấu theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi dự trữ quốc gia, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, các khoản chi khác, các yếu tố chủ yếu tác động đến chi ngân sách (nếu có); bội chi

ngân sách nhà nước; nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia.

d) Xác định trần chi tiêu theo từng lĩnh vực chi cho các bộ, cơ quan trung ương, trần bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu cho từng địa phương; làm rõ những biến động lớn trong phân bổ chi ngân sách đối với bộ, cơ quan trung ương và số bổ sung cho địa phương (nếu có).

đ) Dự báo những rủi ro chủ yếu, công nợ dự phòng tác động đến thu, chi, bội chi ngân sách nhà nước.

e) Các giải pháp tổ chức thực hiện, bao gồm cả phương án chủ động ứng phó với các tình huống rủi ro (nếu xảy ra).

2. Nội dung kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bao gồm:

a) Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm hiện hành và dự báo tăng trưởng kinh tế, các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu của địa phương trong giai đoạn 03 năm kế hoạch; đánh giá xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong giai đoạn 05 năm, từ năm liền trước năm hiện hành đến hết năm thứ 3 của giai đoạn kế hoạch, so sánh với các mục tiêu đặt ra trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của địa phương.

b) Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước và ngân sách địa phương năm hiện hành; những chính sách ngân sách quan trọng do trung ương và địa phương ban hành theo thẩm quyền trong năm dự toán ngân sách và 02 năm tiếp theo để đảm bảo ngân sách địa phương phát triển theo đúng mục tiêu, định hướng của Kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương.

c) Xác định khung cân đối tổng thể của địa phương năm dự toán và 02 năm tiếp theo, đảm bảo nguyên tắc:

- Đối với năm dự toán ngân sách, dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu ngân sách địa phương được tổng hợp theo từng khoản thu và cơ cấu thu nội địa, thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu, thu viện trợ, số bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, kèm theo thuyết minh các yếu tố tác động đến thu ngân sách (nếu có); dự toán chi ngân sách địa phương được tổng hợp theo từng lĩnh vực chi và cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, các khoản chi khác, chi cân đối ngân sách địa phương và chi từ các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương, kèm theo thuyết minh các yếu tố tác động đến chi ngân sách (nếu có); bội chi ngân sách địa phương; kế hoạch vay bù đắp bội chi ngân sách địa phương và chi trả nợ gốc của địa phương (nếu có).

- Đối với 02 năm tiếp theo, dự báo thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu ngân sách địa phương gồm: tổng thu, số thu và cơ cấu theo thu nội địa, thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu, thu viện trợ, số bổ sung cân đối và

bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, kèm theo thuyết minh các yếu tố tác động đến thu ngân sách; dự báo chi ngân sách địa phương gồm: tổng chi, số chi và cơ cấu theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, các khoản chi khác, chi cân đối ngân sách địa phương và chi từ các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương, kèm theo thuyết minh các yếu tố tác động đến chi ngân sách (nếu có); bội chi ngân sách địa phương; kế hoạch vay bù đắp bội chi ngân sách địa phương và chi trả nợ gốc của địa phương (nếu có).

d) Xác định trần chi tiêu theo từng lĩnh vực chi cho các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh và số bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho chính quyền cấp dưới; làm rõ những biến động lớn trong phân bổ chi ngân sách đối với cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh (nếu có).

đ) Dự báo rủi ro và công nợ dự phòng tác động đến thu, chi, bội chi ngân sách địa phương và nợ của chính quyền địa phương.

e) Các giải pháp tổ chức thực hiện, bao gồm cả phương án chủ động ứng phó với các tình huống rủi ro (nếu xảy ra).

3. Nội dung kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm của các bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh:

a) Tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chính sách, chế độ chủ yếu của bộ, cơ quan, đơn vị năm hiện hành; mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chủ yếu của bộ, cơ quan, đơn vị trong giai đoạn 03 năm kế hoạch.

b) Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách của bộ, cơ quan, đơn vị năm hiện hành và năm liền trước; dự báo các nguồn lực tài chính, trong đó dự báo về số thu được giao quản lý, yêu cầu về chi ngân sách để thực hiện của bộ, cơ quan, đơn vị năm dự toán ngân sách và 02 năm tiếp theo.

c) Dự kiến việc phân bổ ngân sách trong mức trần chi tiêu được thông báo theo thứ tự ưu tiên, chi tiết theo chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

d) Dự báo các rủi ro phát sinh trong tổ chức thực hiện kế hoạch; các vấn đề về nợ đọng, phát sinh công nợ dự phòng.

đ) Các giải pháp tổ chức thực hiện, bao gồm cả phương án chủ động ứng phó với các tình huống rủi ro (nếu xảy ra).

4. Giao Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết quy trình xác định các mức trần chi tiêu quy định tại điểm d Khoản 1 và điểm d Khoản 2 Điều này.

**Điều 13. Trình tự lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm**

1. Trước ngày 30 tháng 3, các Bộ, cơ quan trung ương, các địa phương rà

soát, đánh giá và xác định các ưu tiên quốc gia, ưu tiên và chiến lược ngành, ưu tiên của địa phương gắn với mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ cho năm dự toán ngân sách và 2 năm tiếp theo; cập nhật, xác định kinh phí đối với các chi tiêu cơ sở và các chi tiêu mới (bao gồm cả chi đầu tư, chi thường xuyên) gửi Bộ Tài chính.

2. Trước ngày 30 tháng 4, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, cơ quan trung ương khác (nếu cần thiết) báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ một số cân đối lớn của kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia.

3. Trước ngày 15 tháng 5, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị quy định về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm sau và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, trong đó định hướng số kiểm tra thu, chi ngân sách nhà nước năm dự toán của các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương; trần chi tiêu ngân sách nhà nước 03 năm của các bộ, cơ quan Trung ương (chi tiết chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển) và mức trần số bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng địa phương.

4. Trước ngày 01 tháng 6, căn cứ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, Bộ Tài chính:

- Ban hành văn bản hướng dẫn lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

- Thông báo trần chi dự trữ quốc gia, trần chi thường xuyên chi tiết theo lĩnh vực và số kế hoạch thu theo chế độ quy định năm dự toán ngân sách và 02 năm tiếp theo đến từng bộ, cơ quan trung ương.

- Thông báo trần kinh phí sự nghiệp chi tiết theo lĩnh vực năm dự toán ngân sách và 02 năm tiếp theo, chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu đến từng bộ, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thông báo trần bổ sung cân đối, trần bổ sung có mục tiêu và số kế hoạch tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, tổng chi ngân sách địa phương, một số lĩnh vực chi quan trọng của địa phương năm dự toán ngân sách và 02 năm tiếp theo đến từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5. Trước ngày 01 tháng 6, căn cứ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Ban hành văn bản hướng dẫn lập kế hoạch đầu tư 03 năm từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Thông báo trần chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm dự toán ngân sách và 02 năm tiếp theo, mức chi từ nguồn vốn nước ngoài theo các hiệp định, thỏa thuận vay nước ngoài đã ký kết, chi tiết theo lĩnh vực chi ngân sách nhà nước đến từng Bộ, cơ quan trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương .

- Thông báo trần chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm dự toán ngân sách và 02 năm tiếp theo, chi tiết theo lĩnh vực chi của từng chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu (nếu có) đến từng bộ, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu.

6. Trước ngày 15 tháng 6, căn cứ Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm:

- Các Bộ, cơ quan trung ương, các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu hướng dẫn lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

7. Trước ngày 20 tháng 7:

- Các bộ, cơ quan trung ương tổng hợp kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã hoàn chỉnh theo ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

8. Trước ngày 31 tháng 8, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Bộ Tài chính kế hoạch đầu tư 03 năm nguồn ngân sách nhà nước năm dự toán ngân sách và 02 năm tiếp theo, bao gồm số chi đầu tư ngân sách trung ương (chi tiết theo lĩnh vực đến từng bộ, cơ quan trung ương và số bổ sung có mục tiêu cho từng địa phương) và chi đầu tư ngân sách địa phương, để tổng hợp kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ.

9. Trước ngày 20 tháng 9, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch tài chính- ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, trình Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội để cho ý kiến.

10. Chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội cuối năm, kế hoạch tài chính- ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia được gửi đến các đại biểu Quốc hội để tham khảo khi thảo luận, xem xét, thông qua dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách nhà nước hằng năm.

11. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn chỉnh kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp để tham khảo khi thảo luận, xem xét, thông qua dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách địa phương hằng năm.

**Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức trong lập kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm**

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ:

a) Xem xét, thông qua các cân đối lớn của kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia.

b) Trình Quốc hội kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm để tham khảo khi thảo luận, xem xét, thông qua dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách nhà nước hằng năm.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ:

Quyết định số kiểm tra thu, chi ngân sách nhà nước năm dự toán của các Bộ, cơ quan trung ương, các địa phương; trần chi tiêu ngân sách nhà nước 03 năm của các Bộ, cơ quan Trung ương và mức trần số bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng địa phương cùng với thời điểm ban hành Chỉ thị quy định về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm sau và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính:

a) Xây dựng hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về lập kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia trình Chính phủ, báo cáo Quốc hội.

c) Kiến nghị với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương điều chỉnh kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm của địa phương.

d) Tham gia ý kiến với Bộ Kế hoạch và Đầu tư khi dự báo một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về lập kế hoạch đầu tư 03 năm nguồn ngân sách nhà nước.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương cập nhật cơ sở dữ liệu thống kê và các dự báo kinh tế vĩ mô chủ chốt, tính toán các kịch bản tăng trưởng kinh tế và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội cả nước

cho năm dự toán ngân sách và 02 năm tiếp theo, gửi Bộ Tài chính để làm căn cứ xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia theo quy định tại Nghị định này.

c) Xây dựng kế hoạch đầu tư 03 năm nguồn ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 13 Nghị định này gửi Bộ Tài chính để tổng hợp vào kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ.

d) Kiến nghị với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương điều chỉnh kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm của địa phương (phần vốn đầu tư phát triển) trong trường hợp cần thiết.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, cơ quan trung ương:

a) Xây dựng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội thuộc ngành, lĩnh vực trong phạm vi quản lý gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm căn cứ xây dựng kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia.

b) Lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của bộ, cơ quan trung ương, chi tiết theo lĩnh vực chi, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại Nghị định này.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Hướng dẫn việc lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại nghị định này.

c) Hoàn chỉnh kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp để tham khảo khi thảo luận, xem xét, thông qua dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách địa phương hằng năm.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 15. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ năm ngân sách 2018 đối với việc lập kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm; từ năm ngân sách 2021 đối với việc lập kế hoạch tài chính 05 năm.

## **Điều 16. Lộ trình thực hiện**

Việc lập kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm được triển khai thực hiện từng bước, phù hợp với khả năng thực tế, cụ thể như sau:

1. Từ năm ngân sách 2018 đến năm ngân sách 2020, Bộ Tài chính căn cứ vào quy mô ngân sách, tổ chức bộ máy và kinh nghiệm thực hiện thí điểm lập kế hoạch tài chính trung hạn trong một số năm trước đây của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, lựa chọn một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương có đủ điều kiện để triển khai lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Từ năm ngân sách 2021, căn cứ tình hình triển khai và kết quả thực hiện kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm trong các năm 2018-2020, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định việc mở rộng phạm vi triển khai kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm phù hợp với thực tế.

## **Điều 17. Trách nhiệm thi hành**

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

### ***Nơi nhận***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP Ban chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: KTTH (5b).

**TM. CHÍNH PHỦ**

**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**